

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang, bà Nguyễn Thị Tạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đoàn Đình C, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Đoàn Đình C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/02/2012 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh C bị bạn bè rủ rê buôn bán chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, tỉnh Đồng Nai. Đến nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh C.

Về con chung: Chị B và anh C có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/9/2011, hiện do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị B được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi, không

yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05/7/2022, anh Trần Đoàn Đình C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đoàn Đình C thống nhất với nội dung trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc B. Trong thời kỳ hôn nhân, anh C và chị B không xảy ra nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên, hiện nay anh C đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, tỉnh Đồng Nai, nên anh đồng ý ly hôn đối với chị B.

Về con chung: Anh C và chị B có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/9/2011, anh C đồng ý giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt tất cả các đương sự nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Đoàn Đình C hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị B được ly hôn đối với anh C; giao con chung là cháu Trần Ngọc Bảo C cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “*Ly hôn và con chung*”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Đoàn Đình C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp,

được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị B xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C; anh C hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X và đồng ý ly hôn đối với chị B. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Đoàn Đình C đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị B và anh C có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/9/2011, hiện cháu do chị B nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị B về việc tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Ngọc Bảo C nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn đối với anh Trần Đoàn Đình C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0012913 ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng